

sdh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2017/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 01 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý hoạt động vận tải
hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/06/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô;

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 152/2014/TTLT-BTC-BGTVT ngày 15/10/2014 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải bằng xe ô tô và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 6791/TTr-SGTVT ngày 16/12/2016, Văn bản giải trình số 715/SGTVT-QLVTPT ngày 10/02/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2017.

Quyết định này thay thế Quyết định số 78/2013/QĐ-UBND ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định quản lý hoạt động vận tải khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giao Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công an tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải; Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Chánh văn phòng CNN;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 7/2017/QĐ-UBND
ngày 01/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tổ chức và quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cơ quan nhà nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công quản lý vận tải khách bằng xe taxi.
2. Các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi (gọi chung là đơn vị taxi) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
3. Nhân viên lái xe taxi.
4. Hành khách đi taxi.
5. Các đơn vị có liên quan đến việc khai thác hạ tầng phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Xe taxi** là loại xe ô tô có sức chứa từ 09 (chín) chỗ ngồi trở xuống (kể cả lái xe) được thiết kế để chở người, đáp ứng các điều kiện tại Điều 7 Chương II của Quy định này.
2. **Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi** là kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô có lịch trình và hành trình theo yêu cầu của khách; cước tính theo đồng hồ tính tiền căn cứ vào ki lô mét xe lăn bánh, thời gian chờ đợi.
3. **Đơn vị taxi** là các đơn vị được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy định của pháp luật.
4. **Điểm đỗ xe taxi** là nơi, vị trí được cơ quan có thẩm quyền quy định cho xe taxi được đỗ chờ đón khách hoặc đỗ trong thời gian xe ngừng hoạt động

hoặc điểm đỗ xe thuộc sở hữu, quản lý của đơn vị taxi đảm bảo điều kiện trật tự an toàn giao thông.

Chương II

QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI KHÁCH BẰNG XE TAXI

Điều 4. Đăng ký khai thác vận tải khách bằng xe taxi

1. Các doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu tham gia kinh doanh vận tải khách bằng xe taxi nộp hồ sơ đăng ký gửi về Sở Giao thông vận tải Đồng Nai để được kiểm tra đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Chính phủ và được cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.

2. Việc phát triển đơn vị taxi được thực hiện theo quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 5. Điều kiện kinh doanh vận tải đối với đơn vị taxi

Đơn vị taxi phải có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải khách bằng xe ô tô, Mục 4 Chương II Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ và Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

Điều 6. Tiêu chuẩn đối với lái xe taxi

Người lái xe taxi là công dân Việt Nam, có đủ các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 58, 59 và 60 Luật Giao thông đường bộ; Khoản 1, Điều 11; Điểm a, b Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP.

Điều 7. Quy định đối với xe taxi

Căn cứ Điều 6, Điều 13, Điều 17 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP, Điều 37 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014; Khoản 8 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, xe kinh doanh taxi phải đáp ứng các yêu cầu như sau:

1. Điều kiện kinh doanh xe taxi:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số xe do cơ quan có thẩm quyền cấp, thuộc sở hữu hợp pháp của đơn vị.

b) Có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện cơ giới đường bộ còn hiệu lực.

c) Có sức chứa từ 09 chỗ ngồi trở xuống; niên hạn sử dụng không quá 12 (mười hai) năm.

d) Được lắp thiết bị giám sát hành trình.

đ) Có hộp đèn với chữ “TAXI” gắn trên nóc xe; từ 18 giờ đến 06 giờ hộp đèn phải được bật sáng khi trên xe không có khách và tắt khi trên xe có khách.

e) Có máy bộ đàm liên hệ với Trung tâm điều hành của doanh nghiệp hoặc thiết bị điện tử khác đảm bảo liên lạc với Trung tâm điều hành của đơn vị taxi.

g) Có đồng hồ tính cước đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm định và kẹp chì.

h) Có lắp thiết bị in hóa đơn kết nối với đồng hồ tính tiền trên xe.

i) Có màu sơn và biểu trưng logo phù hợp với đăng ký của đơn vị taxi với Sở Giao thông vận tải.

k) Trên xe có trang bị bình chữa cháy còn sử dụng được và còn hạn theo quy định.

l) Có phù hiệu “XE TAXI” do Sở Giao thông vận tải cấp.

2. Quy định về niêm yết trên xe:

a) Hai bên cánh cửa xe: Tên, số điện thoại và biểu trưng (logo) của doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Trong xe: Bảng giá cước tính tiền theo ki lô mét, giá cước tính tiền cho thời gian chờ đợi và các chi phí khác (nếu có) mà hành khách phải trả. Niêm yết ở vị trí lái xe dễ nhận biết khi điều khiển phương tiện khẩu hiệu: “Tính mạng con người là trên hết” theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, DOANH NGHIỆP, LÁI XE VÀ KHÁCH ĐI XE

Điều 8. Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có trách nhiệm, quyền hạn:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi theo đúng quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Xây dựng kế hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên

địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn, đảm bảo về số lượng xe theo quy hoạch và đáp ứng nhu cầu và chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách; điều tiết số lượng xe taxi và tổ chức điểm đỗ xe taxi công cộng phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và đặc thù của tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương tổ chức khảo sát, lập các điểm đỗ taxi theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Làm chủ đầu tư các công trình hạ tầng điểm đỗ xe taxi công cộng do nhà nước quản lý. Kinh phí thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Sở Giao thông vận tải Đồng Nai. Trường hợp không thực hiện bằng nguồn kinh phí từ ngân sách thì huy động vốn đóng góp thực hiện từ các đơn vị kinh doanh taxi để thực hiện theo hình thức các đơn vị kinh doanh taxi tự đầu tư theo vị trí bãi đỗ theo quy hoạch của Nhà nước và không thu phí đậu đỗ đối với các đơn vị kinh doanh taxi. Công bố các điểm đỗ xe taxi phù hợp với quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tham mưu cho UBND tỉnh để bổ sung khi thấy cần thiết.

5. Quản lý, cấp giấy phép kinh doanh vận tải và cấp, đổi phù hiệu cho xe taxi; thu hồi giấy phép, phù hiệu đã cấp khi doanh nghiệp có vi phạm.

6. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô nói chung và bằng xe taxi nói riêng. Phối hợp với Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho người điều hành và đội ngũ lái xe taxi.

7. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tăng, giảm số lượng quy hoạch xe taxi trong quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

8. Chủ trì, xây dựng kế hoạch phối hợp kiểm tra liên ngành theo định kỳ hoặc đột xuất gồm các ngành liên quan như: Công an, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế, Thanh tra Sở Giao thông Vận tải, Trung tâm Quản lý và Điều hành vận tải hành khách công cộng. Kinh phí thực hiện được lấy từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Sở Giao thông vận tải.

9. Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi theo quy định của pháp luật.

10. Theo dõi, tổng hợp sản lượng và nhu cầu đi lại của hành khách bằng xe taxi; tình hình hoạt động của các đơn vị taxi trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các trường hợp lái xe taxi vi phạm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh, nhất là khu vực nội thành, nội thị.

3. Chỉ đạo Công an các địa phương thường xuyên duy trì, đảm bảo công

tác an ninh trật tự, an toàn giao thông tại địa bàn quản lý.

Điều 10. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quản lý hệ thống thông tin về doanh nghiệp theo quy định, định kỳ báo cáo UBND tỉnh.

2. Định hướng cho các doanh nghiệp khi đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phù hợp với quy hoạch phát triển vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

3. Thông báo danh sách doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi đến Sở Tài chính, Sở Giao thông vận tải và Cục Thuế để phối hợp quản lý.

Điều 11. Sở Tài chính

1. Chủ trì, hướng dẫn các đơn vị taxi kê khai giá cước; đăng ký giá cước theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế thẩm định, kiểm tra việc thực hiện giá cước vận tải hành khách bằng xe taxi do các doanh nghiệp đăng ký, kê khai.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Cục Thuế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về các chính sách hỗ trợ của tỉnh đối với doanh nghiệp vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Cục Thuế tỉnh

1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký, kê khai nộp thuế của các doanh nghiệp; thực hiện việc thu thuế theo quy định của pháp luật.

2. Xử lý các vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế theo quy định, thông báo danh sách các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi không thực hiện nghĩa vụ thuế cho Sở Giao thông vận tải biết để phối hợp xử lý.

Điều 13. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra đồng hồ tính tiền của xe taxi bảo đảm đồng hồ luôn ở tình trạng hoạt động tốt.

2. Cử cán bộ tham gia cùng đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

Điều 14. Ban An toàn giao thông tỉnh

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp lắp đặt biển báo hiệu, kẻ vạch sơn đường tại các điểm đỗ cố định, tạm thời cho xe taxi sau khi Sở Giao thông vận tải công bố đưa vào khai thác theo quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông trong hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn tỉnh.

Điều 15. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

1. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tổ chức khảo sát (khi doanh nghiệp có đề nghị) để lựa chọn các điểm đỗ cố định, tạm thời cho xe taxi phù hợp với quy hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn.

Điều 16. Quyền và trách nhiệm của đơn vị taxi

Ngoài quyền và trách nhiệm của đơn vị taxi được quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 37, 38, 39, 40 và 41 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, đơn vị taxi còn có các quyền và trách nhiệm sau:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động vận tải hành khách bằng xe taxi của đơn vị mình.

2. Đảm bảo xe taxi hoạt động phải đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 Quy định này. Bố trí nhân viên lái xe tham gia kinh doanh phải đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quy định này.

3. Thực hiện đăng ký và đăng ký lại “Chất lượng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi” của đơn vị với Sở Giao thông vận tải nếu nội dung có thay đổi so với lần đăng ký trước đó.

4. Thường xuyên giáo dục, nhắc nhở đội ngũ lái xe chấp hành nghiêm Luật Giao thông đường bộ; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao đạo đức, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ cho đội ngũ lái xe nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ đội ngũ chuyên gia nước ngoài làm việc tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

5. Theo dõi quá trình hành nghề đối với nhân viên lái xe của đơn vị. Xử lý các nhân viên lái xe taxi vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi và ra thông báo rộng rãi đến Hiệp hội vận tải ô tô tỉnh Đồng Nai, các đơn vị bạn danh sách các nhân viên lái xe vi phạm bị sa thải để theo dõi.

6. Bố trí địa điểm giao ca bảo đảm các yêu cầu về trật tự an toàn giao thông và không gây ùn tắc giao thông; đáp ứng yêu cầu về phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường. Bố trí taxi đậu chờ khách tại các vị trí của đơn vị quản lý hoặc tại các vị trí, điểm đỗ do cơ quan nhà nước quản lý.

7. Có trách nhiệm tuân thủ sự điều tiết của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi trên địa bàn theo quy hoạch.

8. Có tinh thần hợp tác giữa các đơn vị taxi trong quá trình hoạt động kinh doanh bằng xe taxi trên địa bàn.

9. Xe taxi có niên hạn sử dụng không quá 12 năm. Tuy nhiên, đơn vị đầu tư xe ban đầu hoặc được tặng thêm xe phải là xe mới 100% (chưa qua sử dụng); khuyến khích các đơn vị thay thế xe cũ.

10. Xây dựng nội quy, quy chế của đơn vị, quy định xử lý kỷ luật, chế độ khen thưởng đối với người lái xe.

11. Chịu sự kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô của cơ quan có thẩm quyền.

12. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

13. Được kiến nghị, đề nghị các cơ quan liên quan giải quyết các vướng mắc, tranh chấp phát sinh trong quá trình hoạt động.

14. Được sử dụng hình ảnh về danh hiệu “Doanh nghiệp vận tải an toàn” “Lái xe an toàn” để tuyên truyền, quảng bá hoạt động kinh doanh của đơn vị.

15. Khuyến khích các đơn vị taxi có chính sách hỗ trợ giảm giá cước đối với người khuyết tật, thương bệnh binh.

16. Được quảng cáo trên xe để tăng thu nhập cho doanh nghiệp.

Điều 17. Quyền và trách nhiệm của người lái xe taxi

Ngoài các quyền, trách nhiệm của người lái xe được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP; Điều 42 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, người lái xe taxi còn có các quyền và trách nhiệm như sau:

1. Được ký hợp đồng lao động với đơn vị taxi và hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật và của đơn vị taxi.

2. Khi làm nhiệm vụ lái xe phải mang thẻ tên, mặc đồng phục theo quy định của đơn vị và mang theo các loại giấy tờ theo quy định của pháp luật.

3. Khi nhận xe để vận chuyển, người lái xe phải thực hiện việc kiểm tra kỹ thuật an toàn của xe, nhiên liệu, dầu nhớt, nước làm mát, dụng cụ, đồ nghề, bình cứu hoả, đồng hồ tính tiền, đèn báo hiệu, bộ đàm, các trang bị khác theo xe.

4. Phục vụ hành khách với lộ trình ngắn nhất, trừ trường hợp hành khách có yêu cầu khác.

5. Nhắc nhở hành khách kiểm tra lại hành lý trước khi rời xe, kể cả trong trường hợp lái xe không thấy hành khách mang theo hành lý khi lên xe.

6. Có thái độ ứng xử hoà nhã, lịch sự đối với hành khách; trợ giúp đối với hành khách là người khuyết tật, người già, trẻ em và phụ nữ có thai, có con nhỏ.

7. Không được lựa chọn khách hàng; không từ chối hành khách đi gần; không chạy vòng vo để thu tiền của khách; không tranh giành, chèo kéo hành khách.

8. Nghiêm chỉnh chấp hành Luật Giao thông đường bộ, không mở bộ đàm khi đang chở khách, trừ khi khách yêu cầu và khi có việc cần thiết cần liên lạc với Trung tâm điều hành của đơn vị taxi.

9. Không vận chuyển hàng cấm; có quyền từ chối vận chuyển động vật sống.

10. Cảnh giác đối với những hành khách có biểu hiện nghi vấn cướp của, giết người, sử dụng hung khí và khi phát hiện phải báo ngay với đơn vị mình và cơ quan công an gần nhất.

11. Tham gia các đợt tập huấn nghiệp vụ vận tải hành khách, pháp luật an toàn giao thông và đạo đức nghề nghiệp.

12. Nghiêm cấm hành vi gian lận tiền cước đối với hành khách hoặc hành vi xâm phạm tài sản của hành khách.

Điều 18. Quyền và trách nhiệm của hành khách đi xe taxi

Ngoài các quyền, trách nhiệm của hành khách được quy định tại Điều 43 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT, hành khách đi xe taxi còn có các quyền và trách nhiệm như sau:

1. Được hưởng dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi do đơn vị taxi cung cấp theo yêu cầu của mình.

2. Thực hiện đúng các quy định về an toàn giao thông và hướng dẫn của lái xe khi đi xe.

3. Không mang theo những hàng hóa bị cấm vận chuyển, thực phẩm hôi tanh, lây nhiễm, chất dễ cháy, nổ.

4. Kiểm tra hành lý trước khi rời xe.

5. Thanh toán tiền cước đi xe với lái xe taxi theo đồng hồ tính tiền và các chi phí khác (nếu có) mà hành khách phải trả.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Triển khai thực hiện

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình, các sở, ban, ngành; các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Giao Sở Giao thông vận tải triển khai đến các cơ quan, đơn vị có liên quan biết. Yêu cầu từng đơn vị taxi có văn bản cam kết thực hiện đúng Quy định này.

3. Giám đốc các đơn vị taxi trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm triển khai Quy định này đến cán bộ, nhân viên của đơn vị được biết và thực hiện. Căn cứ

Quy định này, đơn vị taxi xây dựng hoặc rà soát sửa đổi bổ sung quy chế, nội quy hoạt động trong đơn vị để thực hiện. Giám đốc các đơn vị taxi chịu trách nhiệm về thực hiện Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan có thay đổi thì thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 20. Chế độ báo cáo

1. Giao Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm về tình hình thực hiện Quy định này, kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các vướng mắc (nếu có).

2. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

